

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Tuyến đường nối Đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về chủ trương đầu tư dự án tuyến đường nối Đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1279/TTr-SGTVT ngày 21/3/2022 về việc phê duyệt Dự án Tuyến đường nối Đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa; kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và báo cáo kết quả thẩm định số 1248/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Tuyến đường nối Đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường nối Đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Yên Định.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của huyện theo quy hoạch; tăng cường khả năng kết nối giao thương giữa các xã phía Đông huyện Yên Định với trung tâm huyện, chia sẻ lưu lượng phương tiện tham gia giao thông của đường tỉnh 516C; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thanh Hoa.

5. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã Định Bình, Định Hòa, Định Thành, Định Công, huyện Yên Định.

6. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 17,65 ha.

7. Quy mô đầu tư xây dựng

- Phần đường: Đầu tư xây dựng mới 8,711km, đảm bảo quy mô đường cấp IV đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005, có vận tốc thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$; mặt đường bê tông nhựa; công trình thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép; tải trọng thiết kế H30-XB80 đối với cống; tần suất thiết kế $P=4\%$.

- Phần cầu: Xây dựng 02 cầu (01 cầu trung, 01 cầu nhỏ) bằng BTCT và BTCT DUỖ theo TCVN 11823-2017; chiều rộng cầu $B_c=(0,5+12+0,5)=13\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93 và người đi bộ $3 \times 10^3\text{Mpa}$; tần suất thiết kế $P=1\%$ với cầu trung và $P=4\%$ với cầu nhỏ.

8. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Bình đồ, hướng tuyến: Tuyến đi mới, hướng tuyến cơ bản phù hợp với quy hoạch vùng huyện Yên Định đến năm 2045 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021, có điều chỉnh cục bộ để hạn chế giải phóng.

- Điểm đầu: Km0+00 giao với Đường tỉnh 516C tại Km27+350, thuộc địa phận xã Định Bình.

- Điểm cuối: Km8+711,81 giao với Đường tỉnh 516C tại Km10+120, thuộc địa phận xã Định Công, huyện Yên Định.

Tổng số có 08 đường cong nằm, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=200\text{m}$.

8.2. Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường và tần suất thủy văn tính toán, các điểm khống chế điểm tại nút giao. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=4,63\%$.

8.3. Nền đường:

- Nền đào: Mái taluy đào từ 1/0,75-1/1,0 tùy theo cấp đất đá; phần trên nền đất lớp sát kết cấu áo đường được đắp đảm bảo độ chặt $K\geq 0,98$, dày 50cm.

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đảm bảo độ chặt $K\geq 95$; mái taluy nền đắp 1/1,5, lớp sát đáy áo đường đầm lèn đảm bảo độ chặt $K\geq 98$, dày 50cm.

8.4. Mặt cắt ngang: Nền đường $B_n=12,0\text{m}$; mặt đường $B_m=7,0\text{m}$; bề rộng lề đường $B_l=2\times 2,5\text{m}=5\text{m}$, lề gia cố $B_{lgc}=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, lề đường đất $i=4\%$.

8.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường bê tông nhựa (BTN) có mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc}\geq 133\text{Mpa}$. Cấu tạo từ trên xuống như sau: Lớp BTN chặt 19 dày 6cm, lớp nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m², lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

8.6. Công trình thoát nước:

a) Thoát nước mặt đường: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc.

b) Cống thoát nước ngang: Tổng số xây dựng mới 38 cống thoát nước các loại. Cấu tạo bằng bê tông và BTCT, móng đặt trên nền thiên nhiên.

c) Cầu trên tuyến: 02 cầu.

- Cầu Km5+514,36: Bắc qua kênh tiêu Tường Vân, gồm 01 nhịp $L=33\text{m}$, chiều dài cầu 46,1m (đến đuôi móng); khổ cầu $B=(0,5+12+0,5)=13,0\text{m}$. Kết cấu phần dưới móng bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc khoan nhồi $\text{ĐK}=1,2\text{m}$, chiều dài cọc dự kiến $L=26\text{m}$; kết cấu phần trên gồm 01 nhịp dầm BTCT DƯL 40Mpa, tiết diện chữ I, chiều cao dầm $h=1,65\text{m}$, gồm 5 phiến dầm, mặt cầu BTCT 30Mpa.

- Cầu Km8+039,31: Bắc qua kênh B17, gồm 01 nhịp $L=24\text{m}$, chiều dài cầu 34,1m (đến đuôi móng); khổ cầu $B=(0,5+12+0,5)=13,0\text{m}$. Kết cấu phần dưới móng bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc khoan nhồi $\text{ĐK}=1,2\text{m}$, chiều dài cọc dự kiến $L=23\text{m}$; kết cấu phần trên gồm 01 nhịp dầm BTCT DƯL 40Mpa, tiết diện chữ I, chiều cao dầm $h=1,45\text{m}$, gồm 5 phiến dầm, mặt cầu BTCT 30Mpa.

8.7. Nút giao, đường ngang:

- Nút giao: Gồm 03 nút giao (với Đường tỉnh 516C và đường liên xã). Các nút dạng ngã ba, ngã tư được thiết kế mở rộng bán kính nhánh rẽ với bán kính $R\geq 30\text{m}$; tổ chức giao thông bố trí đèn chớp vàng cảnh báo, biển báo, vạch sơn kẻ đường.

- Đường ngang: Được vuốt nổi và mở rộng tạo êm thuận và tăng cường an toàn giao thông; chiều rộng mặt đường theo đường hiện trạng; mặt đường bằng bê tông nhựa và bê tông xi măng.

8.8. An toàn giao thông: Bố trí hệ thống an toàn giao thông trên tuyến tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

(chi tiết có hồ sơ TKCS kèm theo).

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định tại Công văn số 1248/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2022 của Sở Giao thông vận tải.

12. Tổng mức đầu tư: 215.620.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	26.541.617.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	159.396.053.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.490.795.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	6.772.862.000	đồng;
- Chi phí khác:	5.189.007.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	15.229.666.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

13. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh 80 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Yên Định và các nguồn huy động hợp pháp khác 135,62 tỷ đồng.

14. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 - 2026.

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phạm vi đất của đường bộ theo Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Yên Định làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Yên Định tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 1248/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2022 và ý kiến các ngành liên quan.

- UBND huyện Yên Định tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Yên Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, CN (H'19.1 QDPĐA).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Dự án: Tuyến đường nối Đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định
đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: đồng*

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB, HỖ TRỢ TĐC	Khái toán chi tiết	26.541.617.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG		159.396.053.000
1	Phần tuyển	Dự toán chi tiết	135.560.808.000
2	Phần cầu		23.835.245.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	144.905.502.727 x 1,719%	2.490.795.000
IV	CHI PHÍ PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		6.772.862.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	QĐ số 07/QĐ/UBND ngày 11/01/2022	1.280.946.000
2	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	Khái toán chi tiết	550.000.000
3	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB		200.000.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC	144.905.502.727 x 1,1x 1,020%	1.625.178.000
5	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát		
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	QĐ số 447/QĐ/UBND ngày 27/10/2021	23.303.000
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	500.000.000 x 1,1x 3,000%	16.500.000
6	Chi phí giám sát khảo sát		
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	QĐ số 447/QĐ/UBND ngày 27/10/2021	31.630.000
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	500.000.000 x 1,1x 4,072%	22.396.000
7	Chi phí thẩm tra		
-	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	144.905.502,727 x 1,1x 0,079%	126.019.000
-	<i>Thẩm tra dự toán</i>	144.905.502.727 x 1,1x 0,076%	121.400.000
8	Chi phí giám sát thi công	144.905.502.727 x 1,1x 1,516%	2.415.675.000
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu		
-	<i>Gói thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	QĐ số 447/QĐ/UBND ngày 27/10/2021	6.595.000
-	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	4.939.751.818 x 1,1x 0,506%	27.516.000
-	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	145.325.729.091 x 1,1x 0,075%	120.686.000
10	Phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu		
-	<i>Gói thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	QĐ số 447/QĐ/UBND ngày 27/10/2021	2.000.000
-	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	3.018.052.000 x 0,10%	3.018.000

-	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	159.858.302.000	x	0,10%	100.000.000
11	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Khái toán chi tiết			100.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC				5.189.007.000
1	Chi phí kiểm toán	187.119.525.500	x1,1x	0,312%	642.874.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	187.119.525.500	x50%x	0,205%	192.170.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	144.905.502.727	x1,1x	0,29%	462.249.000
4	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	215.620.000.000	x50%x	0,010%	10.641.000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	144.905.502.727	x50%x	0,015%	10.783.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	144.905.502.727	x50%x	0,014%	10.468.000
7	Thuế tài nguyên, phí môi trường	5.430đ/m ³ x KL đất mua			2.465.945.000
8	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (30tr/ha)	30tr x 35,3ha			1.059.176.000
9	Các chi phí khác:				
-	<i>Chi phí đảm bảo an toàn giao thông</i>	Dự toán chi tiết			134.701.000
-	<i>Chi phí đường dây, TBA phục vụ thi công</i>	Khái toán chi tiết			200.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				15.229.666.000
1	Chi phí dự phòng khối lượng	200.390.334.000	x	5,00%	10.019.517.000
2	Chi phí dự phòng trượt giá	200.390.334.000	x	2,60%	5.210.149.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	(I+II+III+IV+V+VI)			215.620.000.000